

LIÊN HOA

VĂN TẬP

THÁNG BA ĐINH DẬU

NĂM THỨ BA SỐ

3

LIÊN - HOA

V Ă N T Ậ P

MỤC LỤC SỐ 3

RA THÁNG BA ĐINH-DẬU

Á-CHÂU CHUYỀN MÌNH	L. H.
HOA THƠM CỎ LA	NGUYỄN-THỌ
TÂN DUY THỨC LUẬN	THÁI-HƯ ĐẠI-SƯ
NAI HIỂN	HUYỀN-THANH
ĐÂY MỘT CON THUYỀN (Thơ)	HUYỀN-KHÔNG
CHUÔNG CÔNG PHU	NGUYỄN-THÁI
CÙNG NHAU CHUNG THÂN AI...	ĐỨC-THƯƠNG
CÓ LỢI ÍCH GÌ?	THUYỀN-ẤN
GẮN NGÀY PHẬT ĐẢN (Hò)	TÂM-THÔNG
CHIÊM BÀI PHẬT TÍCH TẠI ẨM-ĐỘ	THÍCH MINH-CHÂU
TIN TỨC	

LIEN-HOA

V A N T A P

1918

1918

1918

1918

1918

1918

1918

1918

1918

1918

1918

1918

1918

1918

Á CHÂU CHUYỂN MÌNH

Từ ngày trận thế giới chiến tranh thứ hai chấm dứt, những ai thường theo dõi thời cuộc, chắc không khỏi ghi nhận một yếu tố mới, nếu không phải là yếu tố quyết định, thì cũng là một yếu tố căn-bản, trong đời sống của dân tộc Á-Châu. Đó là yếu tố Phật-Giáo.

Ai cũng biết rằng Á-Châu là xứ của Đạo Phật. Mà Đạo Phật đã có từ hơn 2500 nay rồi, đã thấm nhuần nếp sống của người dân Á Châu từ lâu rồi, thì tại sao lại gọi là một yếu tố mới được? — Vâng, gọi là mới hẳn thì không đúng. Nhưng chúng ta phải công nhận rằng đã có một thời kỳ gần 200 năm lại đây, đạo Phật đã bị lu mờ ở Á-Châu. Đó là thời kỳ Á-Châu bị Tây-phương đô hộ, hoặc bằng võ lực, bằng chính trị hay bằng văn hóa. Sự đô hộ ấy chỉ chấm dứt sau trận thế giới chiến tranh thứ hai. Từ đó các nước Á-Châu dần dần thu-hồi độc-lập chính trị, rồi tinh thần. Và với nền độc lập ấy, phong trào Phật Giáo dần dần phục sinh.

Phong trào ấy mở đầu bằng một hội nghị Phật-Giáo thế-giới họp tại Colombo (Tích-Lan) và do đó, hội Phật-Giáo thế-giới đã được thành hình. Từ ấy đến nay, chưa đầy 7 năm, 3 hội-nghị Phật-Giáo thế-giới khác đã được triệu tập: một ở Nhật-Bản, một ở Diến-Điện, một ở Népal. Những quan điểm bất đồng

từ hàng thế kỷ dần dần được san phẳng; và đến hội nghị thứ tư họp ở Népal vừa rồi, thì ngay đến cả cái biên giới giữa Đại-thừa và Tiểu-Thừa cũng đã được xóa bỏ.

Song song với cái đà tiến triển đẹp đẽ của phong trào Phật-Giáo ở Á-Châu cũng đã dần hồi chiếm lại địa vị độc tôn của mình trong đời sống dân tộc. Địa vị ấy đã gây một ảnh hưởng rất lớn, nếu không phải là quyết định, trong đường lối chính trị và ngoại giao của các nước Phật-Giáo: Tích-Lan, Diến-Điện Thái-Lan, Népal Tây-Tạng, Trung-Hoa, Cao-Mên, Lào, Nhật-Bản... Và những nước không trực tiếp chịu ảnh hưởng Phật-Giáo như Ấn-Độ, Hời-Quốc, cũng dựa vào khối Phật-Giáo đông đảo, để làm hậu thuẫn cho đường lối ngoại giao.

Điều đáng chú ý là sau những nước Phật-Giáo mà những người cầm đầu chính phủ là những Phật-tử, nay đến lượt Nhật-Bản mà vị tân Thủ tướng, bác-sĩ Ishibashi, là một vị Sư thuộc phái Nhật-Liên-Tôn.

Trong lúc ấy thì ở Ấn-Độ, một sự việc quan trọng khác đáng chú ý hơn nữa là chỉ trong khoảng 3 tháng, từ giữa tháng 10 năm 1956 đến đầu tháng giêng 1957, đã có trên 4 triệu người làm lễ quy-y Đạo Phật |

Thật đúng như lời Đại-đức Ariya-Deva, giáo-sư người Pháp tại Đại-học đường Darbanga đã nói: « Nếu toàn thể Phật-tử Việt-Nam thấy rõ được những công trình tốt mà Đạo Phật đã thực hiện được trong mấy năm qua trên thế giới, thì Phật-tử Việt-Nam sẽ tin tưởng ở Phật-Giáo biết bao nhiêu | ».

Thấy người mà nghĩ đến ta... Ừ, tại sao Phật-Giáo Việt-Nam chúng ta lại không được địa-vị sáng sủa như các nước Phật-Giáo khác? Đó là một câu hỏi mà mỗi Phật-tử chúng ta, Tăng-già cũng như cư-sĩ, phải tìm cho ra lời giải đáp.

LIÊN - HOA

Hoa thơm cỏ lạ

Đây là một vài tư-tưởng đẹp của Đại-dức Anagarika Dharmapala (Người Tích-Lan). Ngài là vị sáng-lập-viên Hội Maha Bodhi và đã có công-dức vô-lượng đối với sự phục-hưng Phật-giáo ở Ấn-Độ cũng như sự trùng-tu ngôi chùa Bồ-Đề đạo-tràng.

L. T. S.

— **T**rước một quá-khứ vô-cùng, một tương-lai vô-tận, anh đã thực-hành điều thiện hay điều ác. Hiện tại dưới sự kiểm-soát của anh cũng như số-mệnh anh nằm trong tay anh.

— **Đ**ức Thế-Tôn đã nhiều lần nhấn mạnh rằng: nguyên tắc cốt yếu là sự hoạt-động liên tiếp, hoạt-động dè đoan trừ điều ác, hoạt-động dè gây thêm những tư-tưởng đẹp, những lời hay, những việc thiện và như thế sự thanh-tĩnh và hạnh-phúc của cõi Niết-Bàn được viên-mãn.

— **P**hật-giáo là một sự hoạt-động tinh-thần dạy cho anh cách làm nở-nang các « bắp thối tinh-thần » và làm cho các « đường gân tinh-thần » được vững-vàng hơn. Nếu có một người khác làm công việc của anh, anh còn tìm thấy dấu ánh huy-hoàng của sự cố-găng.

— **Q**uả đất, mùa này sang mùa khác, ban cho chúng ta hoa quả, bầu trời ban cho chúng ta mưa, con bò cái cho chúng ta sữa, người hành khất đến nhà một vị tại-gia cư-sí đề xin của bồ-thí. lòng từ-thiện là căn bản của cuộc đời.

— **M**ọi hành-vi tốt, hành động vì một động-lực không vị-kỳ và không có ý-thức tự-kỳ có thể giúp cho chúng ta mau thực-hiện lý-tưởng giải-thoát

— **G**ữa muôn nghìn tiếng chuông rung, sự thanh-tịnh tuyệt-dối chỉ có thể thực-hiện, khi ý-thức giải-thoát tự mở rộng ra.

— **G**ao cả hơn cảnh Niết-bàn là hành-dộng đẩy từ-bì đê nang-cao thế-giới vô-minh này đến một cảnh-giới sáng ngời an-lạc.

— **P**hật-giáo là một tôn-giáo của mọi giai-cấp không bao giờ phân biệt kẻ sang người hèn, Phật-giáo luôn luôn ban nước cam-lồ của Chánh-pháp bất diệt cho tất cả mọi giai-tầng trong xã-hội.

NGUYỄN-THỌ trích dịch
Tạp chí « The Maha Bodhi »

TÂN DUY-THỨC

LUẬN

THÁI-HƯ ĐẠI SƯ

(Tiếp theo)

HỎI.— Cách thức (hành tướng) nhận biết và cảnh bị nhận biết của sinh-hóa thể-thức như thế nào ?

GIẢI THÍCH.— Cảnh bị nhận-biết của thức A-lại-gia là tánh-cảnh (cảnh thật), gồm có ba là : chủng-tử, căn-thân và thế-giới. Chủng tử là chỉ cho hết thảy công-năng tàng-chứa nơi tạng-thức, có ra bởi sự huân-tập các danh ngôn về mọi sự vật sai khác và mọi tính-cách phô bày các sự vật sai khác đó. Thế-giới là chỉ cho mọi sự vật trong vũ-trụ, do cộng-nghiệp của chúng sanh biến-hiện. Hai loại trên đều do A-tại-gia lãnh lấy làm cảnh sở duyên và giữ gìn cho khỏi tan rã.

Căn-thân là xác-thân của chúng sanh, kết quả của bất-cộng nghiệp biến-hiện. Đối với căn-thân, A-lại-gia không những lãnh lấy làm cảnh sở duyên, giữ gìn khỏi tan rã, đồng thời còn

ôm lấy làm bản ngã, để phát sinh mọi tri giác, an cùng hưởng, nguy cùng chịu.

Ta lại có thể đem thể giới và căn thân chia làm 4 loại:

1) Do chủng tử cộng - nghiệp biến thành, như núi, sông, đất, nước v.v....

2) Do chủng-tử cộng-trung bất-cộng-nghiệp biến thành, như ruộng vườn, nhà cửa, nó vừa sản vật công cộng, vừa là sở hữu thuộc từng người thọ hưởng.

3) Do chủng-tử bất-cộng-trung cộng-nghiệp biến thành, như thân - mạng của mỗi người, vừa là vật riêng, vừa là vật mà người khác cũng thọ hưởng được.

4) Do chủng-tử bất-cộng-nghiệp biến thành, như bộ phận thần kinh, quan năng, tế-bào của mỗi người, thuộc người nào người ấy thọ.

Cả ba loại là chủng-tử, căn-thân và khí-giới nói trên, đều do tướng phần A-lại-gia biến hiện và duyên lấy. Cái hay duyên lấy tướng phần đó tức là kiến-phần. « Tướng phần » và « Kiến phần » đều nương thức mới được phát khởi. Đương thể của thức gọi là « Tự chứng phần ». Ta tạm ví dụ như người tự lấy tay sờ mặt mình để rõ 4 phần vừa nói trên. Cái tay hay sờ ví như kiến-phần, cái mặt bị sờ ví như tướng phần, thân người ta (gồm có tay và mặt) ví như tự-chứng-phần, vì dù tay hay mặt đều không thể rời con người mà có được. Thêm một từng nữa, sự biết được kết quả sau khi sờ mặt, ví như chứng-tự chứng-phần. Vì nếu có tay, có mặt, có người, nhưng không có sự biết để biết kết quả số lượng thì sẽ hóa ra như cây đá, người không thành người, tất nhiên việc lấy tay sờ mặt cũng không thành được. Như vậy ta thấy có người mới có sự biết của người mới thành người, hai bên nương nhau mà có, ví dụ 2 phần tự-chứng và chứng-tự-chứng đắp đổi duyên nhau, nên không cần phải lập thêm phần thứ 5 nữa.

Bốn phần trên đó, bất cứ một tâm thức nào cũng đều
lũ. Đó là ước theo nghĩa lượng quả. Nếu ước theo nghĩa
dụng thì, hai phần tự-chứng và chứng-tự-chứng là thể, 2
kiến tướng là dụng. Nếu ước theo năng sở mà nói thì
hần là kiến phần, tự-chứng và chứng-tự-chứng là năng,
tướng phần là sở. Còn nếu ước theo nghĩa nhất-tâm thì
kiến không thì năng kiến cũng không, năng sở đều không,
có một tâm mà thôi. Tóm lại các nhà duy-tâm học, có nhìn
theo nghĩa lượng quả, nên chủ trương tâm có 4 phần,
ngài nhìn tâm theo nghĩa thể dụng, nên chủ trương tâm
3 phần. Có ngài nhìn tâm theo nghĩa năng sở nên đã
trương tâm có 2 phần, nhưng có ngài nhìn tâm theo nghĩa
nhất, nên chỉ nói nhất-tâm chủ-trương thành phần, nghĩa
không thành lập phần nào hết.

Suy xét như trên, thì biết thân mạng, vũ-trụ, và chủng
của vũ-trụ, thân mạng đã đều là tướng-phần của A-lại-gia
c, toàn do tự-chứng phần của thức này biến ra và kiến
n của thức này duyên lấy, nên có thể gọi rằng bản-thể
vũ-trụ nhân-sanh là duy-thức.

(Còn nữa)

GIỚI THIỆU SÁCH

Đạo Phật qua nhận-thức mới

Của thầy THẠCH-ĐỨC, giáo-sư Phật-Học-Đường N.V.

Trình-bày những vấn-đề quan-trọng trong đạo Phật :
vấn-đề đức tin, vấn-đề chân-lý, vấn-đề giải-thoát,
vấn-đề linh hồn, vấn đề duy tâm và duy-vật... Sách
do Hội Phật-Học Nam-Việt xuất-bản, cư-sĩ Chánh-Trí đề
lời giới-thiệu, đã được phát-hành khắp nơi.

Nai hiền

NĂM XƯA ...

Ngày xưa trong một khu rừng ven bờ sông Hằng Ấn Độ, xuất hiện một con Nai hiền. Nai đẹp vô cùng, đôi sừng màu trắng vươn cao như pha lê bóng lánh: làn da óng ánh vàng như gấm đính thêm từng hàng minh ngọc muôn màu. Cả thân hình Nai thanh thú ấy có thể nói đã tập trung hết mọi vẻ đẹp của trần gian. Nhưng sao đôi mắt nai buồn lắm thế? Có cái chi u ần như đau thương cho cuộc sống mê lầm.

Nai chính là hiện thân của một vị Bồ-tát. Nai hiền và nói được tiếng người. Thú trong rừng thương mến Nai, quay quần quanh Nai như một bà mẹ hiền, nghe theo lời Nai như một bậc thầy sáng suốt. Nai đem tình thương hòa vào cuộc sống muôn loài, núi rừng

vi thể ít nhuộm máu hồng; con cháu trong rừng chỉ ăn uống cỏ cây. Vốn biết thân mình là một miếng mồi thể nhân hằng ao ước, Nai chỉ ở trong rừng sâu, không để cho loài người được thấy. Những đêm trăng sáng, Nai vui cùng muôn thú cảnh thanh bình. Nhưng mà nếu cuộc đời chỉ là có thể thì còn đâu nước mắt đầy vơi?

Có một sáng mùa thu, rừng vừa qua cơn mưa lớn. Nước sông Hằng chảy mạnh. Những dòng suối nhỏ từ lâu vẫn hiền hòa róc rách giữa những triền đá trắng phau, hôm nay mở rộng bờ hung hăng như trăn lớn phun nước vào dòng sông cả. Nai đứng đĩnh xuống bờ sông uống nước.

Nhìn dòng nước cứ mãi mãi tuôn đi, bọt trắng tóe tung trên mặt sông một màu xanh

biết.
trần
giờ
cuồng
đề tr
Nai t
thần

Bồ
từ xa

tôi sẽ

Tiê

Nai t

dòng

một

đã ch

và n

mục

tình t

lắm.

đôi t

vọng

rời.

khan

hát

Nai l

sự s

đã đ

Lòng

một

khô

của

cứu

quai

Nai bong thấy lòng ngập
nua xót. Không biết bao
n vật mới thôi quay
trong bóng tối vô minh
về với thanh tịnh ?
nhũ : « Nếu cần thì
bây có tiết chi ? »

một tiếng kêu cứu
vọng lại :

« Cứu tôi với ! Trời ơi,
chết mất giữa dòng sâu.

g kêu càng lúc càng rõ.
ước mắt nhìn ra giữa
sông Hằng hung bạo :

gười đang chơi với trên
anh củi mục. Có lẽ y
m dò ở phía trên kia

er niu được thanh củi
mà khỏi chết. Nhưng

thì cũng đã ngật nghèo
nổi lên chìm xuống.

eo quắp một cách tuyệt
Chắc sức cũng đã yếu

ếng kêu càng lúc càng
mất dần trong tiếng reo

n cuồng của sóng nước.
t giờ phút quyết định

g còn của người kia
o. Không lẽ làm ngơ ?

Bồ tát bỗng dạt dào
nh thương cao cả. Đau

ủa người là đau khổ
ành, cứu người là tự

ành. Nhìn người quàu
thấy vui chi ?

Nai lao nhanh xuống dòng
nước lũ. Tinh thương đã làm
nên tất cả. Không quân nhọc
nhằn và nguy hiểm, Nai lướt
qua sóng lớn và công người
kia lên bờ. Người kia tỉnh lại,
ngạc nhiên vô cùng khi biết
một con Nai đẹp đã cứu mình
thoát nạn. Quá cảm động y
quỳ xuống đội lên đầu công
đức của nai. Y nói :

— Hỡi vị Nai thần, tôi không
biết làm sao để nói tất cả tấm
lòng. Ngài đẹp lắm, nhưng
chính lòng vị tha của Ngài
mới là đẹp hơn cả. Kể từ nay,
thần tôi là của Ngài, tùy Ngài
xử dụng.

Nai hiền rưng rưng nước
mắt. Quả thật không ngờ lại
có người biết ơn đến thế.
Nai nói,

— Ông ơi, tôi tưởng sẽ
không bao giờ tìm được một
người tốt ở cõi thế sa đọa này.
Lòng biết ơn biết của ông đã
làm cho tôi vô cùng sung
sướng. Nhưng nói làm chi
đến chuyện trả ơn. Ông còn vợ,
con ở nhà, không nên nân lại
đây lâu, chắc họ đang nóng
lòng chờ đợi. Nhưng ông đừng
đem chuyện gặp tôi đây mà
nói lại với ai, họ sẽ không
ngại gì mà không đến tìm bắt
tôi. Hãy sống vì đời, vì người.

Là thú rừng, tôi không biết nói lời gì đẹp đẽ hơn.

Người kia hứa chắc với Nai, xá tạ xong y lên đường về chốn cũ.



Lúc y về đến thành chính là lúc hoàng hậu vừa chiêm bao thấy một con Nai vàng kỳ dị. Bà thấy trên một ngôi báu cao sang có một con Nai hiện đang giảng pháp bằng tiếng người. Minh Nai gấn đầy châu ngọc, da nai óng ánh như những lớp gấm đẹp nhất của đời. Hoàng hậu liền đem chuyện ấy thổ lộ với nhà vua.

Bà nói:

— Tâu bệ hạ, thần thiếp nghĩ không còn vật chi quý giá hơn con Nai vàng trong mộng ấy. Nếu vườn thượng uyển này mà có nó... trời ơi, bệ hạ hãy tìm cách bắt đi!

Vua tin ngay lời hoàng hậu. Ở đời đã có được mấy người đàn ông không nghe lời vợ, không nghe lời thổ lộ của một người đàn bà, nhất là người đàn bà đẹp? Thế là vua cho truyền khắp nước:

«Trong sử có chuyện một con nai vàng mình đầy châu ngọc. Đã nhiều người thấy nó,

nhưng không biết bây giờ ở đâu. Nếu ai bắt được hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có và vô số tiền bạc vàng.»

«Quyền cai trị một làng giàu có và vô số bạc vàng» Ai mà không ham? Người được nai cứu lắng nghe cho rõ lời truyền rao của vua rồi bất giác y nhìn xuống chiếc áo đã sờn, đôi hài há miệng: Y nghèo quá! Một tiếng thờ báo trước cơn đông tố của lòng. Y biết chắc chắn vợ con y đã hai hôm rồi nhịn đói. Ngay những lúc có y ở nhà, nai lưng người ra đời lấy bát cơm, gia đình y vẫn không lúc nào no đủ, huống hồ là y đi đi vắng những hai ngày.

Y nhắc lại lời truyền rao: «Nếu ai bắt được hay chỉ cho người khác bắt, vua sẽ thưởng cho quyền cai trị một làng giàu có vô số bạc vàng.» Có thể như thế được không? Sung sướng giàu sang đến thế ư? Trong lòng con người vừa thọ ơn đó bỗng nổ ra một trận chiến gay go giữa tham lam và đức hạnh. Đức hạnh như nói với y: «Anh có thể quên được công đức của Nai hiền sao? Nếu không có Nai thì bây

giờ có anh không? Cứ bệ ược đi đề rồi không còn một kiếp nào anh cất đầu lên được! « Nhưng tham lam nhỏ to than thì » Hãy chỉ chỗ của Nai đi! Auh sẽ được vinh h a phú quý, vợ con anh sẽ được no đủ.

Lòng y thật như một guồng chỉ rối. Y không biết nên theo đạo đức hay giàu sang, trung thành hay phản bội. Con quỷ tham lam góm guốc vẫn cứ kê bên than thì. Cuối cùng, quỷ tham đã thắng. Một chút lương tâm còn nướ lại trong, y tự nhủ:

— Ta quyết chỉ chỗ Nai ở cho nhà vua. Kê ra thì cũng tàn nhẫn thật nhưng còn dịp nào đề được giàu sang. Bạc tiền và danh vọng trên hết!

Y cười lên sặc sụa, cái cười khoái trá của một con người sắp thỏa mãn. Nhưng y có biết không, bắt nguồn từ cái cười ấy, gương mặt y từ hiền lành chất phát bỗng trở thành góm ghiếc lạ thường. Nếu soi gương, chắc y ngạc nhiên về sự đổi thay của mình lắm.

Y vào cung tàu vua biết chỗ ở của Nai hiền. Như mở nước cờ, vua liền ra lệnh đi săn nai. Ngay chiều hôm ấy, khu rừng bị quân lính nhà vua

vây kín. Từng đàn chó dữ àoạt sửa cắn vang động cả một vùng. Chúng lục lợi từng hốc núi, bụi lùm. Tiếng kèn săn rền vọng lên như một lời kết tội.

Nai choàng dậy trong giấc ngủ. Sau cơn hoảng hốt ban đầu, Nai biết mình không thể thoát khỏi tay người hung ác. Cũng vừa lúc ấy, vua và người được Nai cứu đến kề bên.

Y đưa tay chỉ chỗ cho vua:

— Đó, đó bộ hạ xem, con Nai vàng kỳ dị!..

Những tia nắng cuối của chiều thu lên mình Nai lộng lẫy, từng hàng châu ngọc lóe sáng muôn màu. Vua say nhìn nai đẹp. Cung tên đã sẵn sàng; bọn lính định bắn quý linh thú, nhưng vua ngăn lại:

— Đừng bắn, hãy bắt sống cho ta!..

Nhưng chưa đuổi bắt thì Nai đã tự dẫn mình đến trước mặt vua và hỏi lớn:

— Thưa ngài, tôi không hiểu tại sao ngài lại có thể tìm được chỗ trú của tôi?

Nhà vua ngạc nhiên — có thể nói là sửng sốt — vì ngài chưa từng thấy Nai nào lại biết nói tiếng người. Vua đáp:

— Hỏi Nai thần, chính người

này đã chỉ chỗ cho ta.

Mặt Nai và vua đồng một lúc quay về người được Nai cứu. Bỗng nhà vua kêu lên kinh hãi: mặt người kia chỉ trong một khắc trở thành lở loét gớm ghê. Mú máu chan hòa trên gương mặt trước kia hiền lành chất phác.

Nai lên tiếng giảng:

— Thưa ngài không có gì lạ cả. Đó chính là cái quả báo mà nguyên nhân là sự vong ân của y. Thưa ngài, người này trước kia đã được tôi cứu khỏi chết đuối, nhưng y đã quên lời hứa mà chỉ chỗ của tôi cho vua. Tham lam đã làm mờ mắt nhân gian. Trong bóng tối vô minh ác nghiệt con người quên hết liêm sỉ và ân tình, ời tham lam, gốc nguồn của biết bao tội lỗi!

Vua chợt hiểu. Ngài bỗng thấy ghét cay ghét đắng người được cứu. Quay mũi tên về phía y, vua hét lên dữ dội:

— Kẻ vong ân bội nghĩa, mi đã làm nhục danh người. Ta quyết vì đời cho mi chết!

Dây cung trương lên, nhưng Nai hiền đã đến chặn phía trước. Minh Nai đã biến thành tấm bình phong che chở cho người

kia đang run như một cái đuôi thằn lằn. Nai nói với vua:

— Không nên ngài ạ! Quả báo bao giờ cũng đến với người gây nhân như hình với bóng. Không cần và cũng không có một người nào thưởng phạt hay định đoạt quả báo cả. Chính gương mặt lở loét kia đã trừng phạt y nhiều lắm. Tôi xin ngài hãy tha cho y. Phần tôi, tôi đang chờ ngài quyết định.

Vua bỗng thấy ánh sáng chân đạo. Ngài thấy kính phục Nai hiền cùng tột. Ngài kêu lên:

— Đối với kẻ mưu hại mình Nai còn tỏ lòng từ bi cao cả như thế. Nai ơi, trong lối thú rừng man dã ấy, chính Nai mới thật là người, một con người đúng nghĩa. Còn chúng tôi đây, tuy mang lối người, nhưng quả thật chưa bằng muôn thú.

Rồi vung tay ra hiệu, vua hét vào tai lên phần bội:

— Ta tha cho người. Hãy đi đi, đi cho khuất mắt loài người.

Y lồm lổm bỏ đi, mặt cúi gằm xuống đất. Bóng y dờ dãi yên nền cỏ rừng, lưng y quay lại phía mặt trời, y đang bước lần, bước lần vào bóng tối ..

Vua nói với Nai :

— Thưa ngài, ngài đã hoàn toàn tự do. Từ nay, không ai trong nước này lại động đến thân ngài nữa. Về phần tôi, những lời cao đẹp của ngài đã làm tôi trong phút chốc giác ngộ được chân lý. Tôi sẽ khắc những lời đó vào tim và đem chỉ hướng từ bi của ngài gieo vào lòng nhân loại.

Thế rồi vua từ giả Nai, kéo quân về chốn cũ. Rừng trở lại thanh bình như xưa. Người

và vật từ nay hiểu nhau, không còn tìm cách sát hại nhau nữa. Rừng già thôi vọng tiếng kèn sấm hung hân, máu hồng thôi hoen trên cỏ màu xanh. Con cháu trong rừng ngày một đôn thêm, phới phới lớn lên, không lo loài người tàn bạo.

Và đêm đêm, lúc trăng ngà dội bóng xuống rừng hoang, đàn thú hiền lành quây quần chung quanh Nai như để nghe lời giảng đạo.

HUYỀN - THANH

HỘP THƯ

Tòa soạn có nhận được những bài :

«*Đồng quê sống*» của Thiết-Tâm, trường Bồ-Đề Huệ, «*Một chuyến đò*» của Trần Đới. «*Hoa sen nở*» của Vũ quốc Thông. «*Sống*» của Hữu-Hiệp. «*Bài thơ muôn thuở và Chiều tha phương*» của Công Bê «*Ánh hào quang và Khoái hương*» của Phước-nhân. «*Không*» của Hồng-Phước Nha-trang. «*Em không sợ kỷ luật nữa*» của Thiện Duy Quảng-ngãi. Xin chìn thành cảm ơn quý vị đã gửi bài đến, chúng tôi sẽ lần lượt đăng bài của quý vị trong các số tới, hy vọng quý vị sẽ tiếp tục sáng tác gửi đến cho Tòa soạn. Rất mong.

LIÊN - HOA

ĐÂY, MỘT CON THUYỀN

Thân tặng những Đạo-Hữu
tham dự lớp Huấn-Luyện Hoàng-
Pháp khóa Vạn-Hạnh tại Đalat.

*Đây, một con thuyền không tuổi tên,
Đưa toàn dân-tộc hướng đi lên.
Trong dòng đạo-đức nghìn năm trước,
Khắp chốn làng xa nặng ước nguyện.*

*Thuyền của toàn dân chính Quốc Hồn,
Là ngôi chùa nhỏ ở hương-thôn.
Tháng năm bảo bọc tình sông núi,
Ngăn gió ngoài xa bớt dập dồn.*

*Nòi giống Việt-Nam chỉ một lòng,
Sống trong hồn đạo Bắc Nam Trung.
Thương thay những kẻ dùa vong-bán,
Tách biệt toàn dân, đi ngược dòng.*

Ai hỏi về đây về ruộng nhà,
Làm cho đất Việt nở thêm hoa.
Dựng xây xác mới quanh hồn cũ.
Thế-hệ ngày mai là của ta.

Muốn sống còn lâu phải hướng về,
Gắn liền nếp sống của hương quê.
Chung lưng bảo-vệ ngôi chùa cổ,
Bên mái đình xưa, ruộng bốn bề.

Đã mấy nghìn năm dân Việt-Nam,
Năm trong thuyền đạo đẹp huy-hoàng.
Dân mình nhờ nó đưa lên mái,
Giữ chặt tâm hồn người Việt-Nam.

HUYỄN - KHÔNG

(Trích tập thơ HỒN ĐẤT NƯỚC
sắp xuất bản).

CHƯƠNG CÔNG PHU

TUẤN bước ra đến tháp thấy gió lộng quá, nên nép người vào mé đường đứng một lúc. Nghĩ thế nào không hiểu, chàng nhảy choàng qua lan can và băng dậu hoa xuống đường.

Vượt qua một rặng thông, Tuấn sang ngọn đồi khác. Chàng dự dự. Rồi lại đi. Và cuối cùng ngồi bệt xuống lờ mờ.

Trời mờ mờ trắng. Cảnh vật hoang vắng và im lìm. Xa xa mấy khu đồi liên tiếp, chất lổ nhô những vuông nhà chìm trong hơi sương đục, Tuấn nhận ra từng khu, khu nhà thương, khu số 4, khu Mã-thánh, và xa nữa khu số 6.... lòng Tuấn trở nên buồn lạ, có lẽ vì chàng sắp phải rời những cảnh thân yêu này. Tuấn sẽ đi và không biết đến bao giờ mới trở lại. Chàng nhìn kỹ lên đồi chùa.

Một dây mái dài trụ đỉnh, góc uốn nhẹ cong lên như sẵn sàng đưa đi bốn phương những âm thanh thành kính úp từ chính điện. Và chéch về tay phải, một ngọn tháp hướng thượng. Tuấn

thấy lòng mình ảm lại đề hồi tưởng những phút vui buồn dưới mái chùa, mà nơi đây chàng đã đem cả người mình, hồn mình to đồm và kính thờ. Mắt lặng nhìn, hồn Tuấn muốn bay bổng lên để hòa với cái linh thiêng hiền dịu của nếp chùa. Nhưng lần này, Tuấn chẳng dám nhìn lâu, e những kỷ niệm êm đềm sẽ đánh gãy mất quyết định ra đi của chàng.

Tuấn đã đi. Tuấn đã trở về. Và Tuấn lại ra đi. Đời chàng là những chuyến đi. Chiu sao được khi chàng phải gặp những hạng người sống quanh mình rất chóng đời thay, họ vốn và hôm nay và trở mặt ngày mai; họ chạy và theo một lối mà họ hằng chửi rủa... Nỗi buồn trong bụng, chán chường trong tâm. Nếu không cắt đứt lên những chuyến đi tìm thì đến bao giờ ưu tư mới hết. Nào chàng thấy mình phải bỏ mà đi rồi xa. Khi không chịu đựng nổi hoàn cảnh khắc khe thì chỉ có cách xa lìa hoàn cảnh ấy.

Sương đêm đã ngấm vào người lạnh lạnh, hơi đất ẩm xông lên

Tuấn ngoảnh mặt cho khỏi thấy dáng chùa. Chàng rời khỏi lễ cò, xúc lại cổ áo và thần thờ đi. Quái lạ, sao cái im lìm của ban đêm lại chứa đựng đến nhiều thăm kín của thân tình, sao mà dễ cảm thông triu mến, dễ bộc lộ và cởi mở đến thế! Nghĩ đến lúc nhò nháo những người, huyền não sẽ phá mất hết với những uân khúc không cùng của lòng người! Tuấn tự thấy sẽ khó khăa đến bao nhiêu dễ chiến thắng mình, khi vấp mọi tráo trở của họ. Chàng loanh quanh trên những mái dơi, những hồ nước và làm bầm suy tính về mọi hiện trạng ở lòng mình. Lúc gần thì hành mọi việc gì, người ta hay nghĩ ngợi dẫu đo. Tuấn cũng thế, ngày mai chàng phải theo một vài người bạn đi xa. Lòng Tuấn băn khoăn về chuyện ở, chuyện đi. Chẳng hiểu nơi chàng đến chàng sẽ thực hiện được một cái gì mà lòng chàng hằng ao ước không? « Thiên hạ » ở đây sẽ đối đãi với chàng như thế nào? Có hơn gì ở đây không? Hay đã là loài người thì đâu cũng thế? Tuấn bước nhẹ trên những nẻo đường quen thuộc. Chàng thấy như từng hòn đá, từng bãi cát cũng đều quyến luyến dưới chân chàng. Mọi cảnh đều êm ái thân tình. Chàng đã đi ngang nhà chị Minh, ngõ chị Hạnh, nhà em Vân, nhà anh Lê, nhà bác Phó, bác Hai... Từng màu chuyện, từng hình ảnh, từng khuôn mặt chấp nối thành một cuốn phim dĩ vãng mà trong đó vui buồn lẫn lộn. Những màu

dời vui dần co với những chuyện đen bạc, bi ối gây nên một mối hăn khoăn trong lòng Tuấn. Cái vui khuyến khích Tuấn yêu đời và muốn ở lại, chuyện đắng cay thúc chàng lánh đi xa. Song những kỷ niệm thân yêu, dù có bị sự đời thay của lòng người làm mất đi bao nhiêu trong trắng hồn nhiên, Tuấn vẫn thấy có một mãnh lực kỳ diệu lôi hút chàng, van nài chàng ở lại. Và chàng miên man lý luận. Ừ, đất vẫn nảy hoa, và vẫn nảy gai; nước thường có ngọc và cũng thường chứa thường luồng. Tại sao chàng phải buồn lo về cái xấu, cái đẹp, cái ác, cái thiện của cuộc đời để dừng tay trong nghĩa cử xây dựng?

Tuấn hoang mang trong nhiều ý nghĩ.

Nhưng chàng thấy đó là dấu hiệu của tiến bộ. Có hoang mang tức là có ý thức đến việc mình làm khi việc ấy không còn hợp cảnh, hợp tình. Tại sao Tuấn lại chạy trốn một hoàn cảnh khó khăn? Ở vào một nơi có muốn mũi dùi trở ngại quy chích, cản đường đi của Tuấn, Tuấn vẫn hiên ngang đường bệ thực hiện lý tưởng của mình, đó chẳng phải là điều nguyện của chàng hay sao?

Chàng nhất quyết không trốn nữa.

Ở nơi này làm không xong, thì chẳng có nơi nào làm nên thân cả. Mình chưa trị được mình, mình chưa làm chủ được hoàn cảnh của mình thì bất cứ ở đâu, mình chỉ là cánh bèo dênh trên sóng.

Đi được một lúc lâu, chàng lại trở về dưới chân đồi chùa một cách vô tình. Đôi lúc những sự gặp gỡ bất ngờ thường giải quyết nhanh chóng và trọn vẹn những ý nghĩ còn mơ hồ. Lần này Tuấn không do dự và đặt một quyết tâm. Chàng nện gót giày âm sương trên từng bậc đá tiến lên chùa. Hai bên cấp những luống chè chạy quanh co để thăm trong đêm. Gót giày chày một nhọc trên đá, song lòng Tuấn nôn nao cuộn cuộn nghe như những mạch máu dấy thủy triều. Chàng đưa lưỡi chạy quanh một vòng môi và mỉm cười hứa hỡ với lối thoát vừa hiện ra.

Có tiếng chuông công phu dội từ chùa mà đi. Tiếng chuông công phu chàng vẫn nghe mãi tự xưa nay vào những canh cuối đêm. Tiếng chuông dịu dàng như một lời hứa, quý như những giọt sương mai đầu ngọn lá, ngân dài tựa những lời thơ đẹp trong không trung. Nhưng chưa bao giờ Tuấn nghe tiếng chuông công phu ý nghĩa và êm đẹp như đêm nay. Chàng hình dung những đợt sóng thanh rung nhện và nhịp nhàng lan về vô tận. Chàng lắng nghe trong cái âm hưởng ấy những xô xao của đất trời, những chân như hoan lạc và những mừng rỡ đón chào.

Từ lưng chừng đồi ngóng lên, mái chùa hiện dịu, uy nghi thách đố với mọi sức phá đổ của cuộc đời. Tuấn thấy mình mềm lại trước mọi hình, sắc, âm, cảm thân yêu. Chàng tự hiểu không cần phải đi tìm đâu xa lạ nữa, chỉ cần trở lại với chính lòng chàng đề đào sâu nghĩa lý, trở lại với mái chùa đề những ưu tư dịu xuống cho

an lạc bùng lên. Có lẽ đây là con đường gần nhất mà cũng là con đường xa nhất. Dù sao Tuấn đã đứng ở đây rồi...

Chuông công phu vẫn đều đều vang dậy.

Tuấn bước đến ngưỡng cửa chính điện, một mùi hương thanh tịnh ngào ngạt khác biệt với bên ngoài. Ánh đôi cây đèn sáp lung linh dờn những hộp sáng lên cao. Hình ảnh đức Từ-Phụ ngồi tĩnh tọa trên đài sen. Tuấn chăm chú nhìn nụ cười giải thoát đầy lòng thương đại độ và thấy người mình nhẹ nhõm, vô tư. Chàng trầm nghĩ, nếu có phải gặp những nét mặt khắc khổ, cay chua, bạc bẽo của đồng loại, những bản tiện, hẹp hòi, bi đỗi của người này, người nọ, chàng sẽ không còn khó chịu hay bận tâm.

Một nụ cười.

Một khuôn mặt.

Thấy được rồi, thấy bằng mắt, bằng tâm, bằng cả con người, đời Tuấn không mong gì hơn nữa. Bỗng Tuấn nghe vắng từ xa có tiếng chiếc xe điện rù máy lên dốc. Tuấn rợn người nhớ đến giờ lên đường đã hẹn. Chàng nhìn đồng hồ tay và đoán có lẽ chiếc xe ấy... Song chàng bình tâm lại ngay và hướng mắt nhìn thẳng vào vầng hào quang rạng rỡ hiện sáng trên nền điện thờ, lầm bầm: « con quyết theo gương Ngài... ».

Chuông công phu vẫn rền vui thúc dục.

Ngoài vườn có lẽ trăm hoa đang lác những nhụy vàng giữa đài đợi Nắng.

Ba-Lê, tháng 3 năm 195.

Cùng nhau chung thân ái...

BUỔI họp chiều nay thấy Hùng và Tín không được vui như mọi khi, anh Đoàn trưởng lo ngại nhưng không muốn cái buồn ấy lan tỏa trên những bộ mặt vui tươi khác. Anh trưởng vui vẻ nói: « Đố các em trong chúng ta có ai đang buồn? » Tất cả nhìn Hùng và Tín rồi la lên:

— Đây kia Anh! Hùng và Tín hôm nay sao buồn thế. Anh đoàn trưởng cười lên tiếp:

— Anh cho trò chơi nhé. Ai làm cho hai em ấy cười là thắng cuộc. Đoàn không biết bao nhiêu trò hề diễn ra trước mắt Hùng và Tín theo với những trận cười vang dậy. Anh trưởng sung sướng, dju giọng:

— Nhưng chưa đủ. Em nào tìm ra nguyên-nhân cái buồn ấy mới là đại thắng.

Tất cả nhao lên kéo dài thêm trận cười vui vẻ. Em thì bảo rằng: « bị mạ đập » em thì bảo rằng « vì đói bụng » và không biết bao nhiêu duyên-cớ để cười nữa. Duy có Vân đã hiểu rõ hai bạn đó, trình bày nguyên-nhân một cách đầy đủ. Ai nấy đều im lặng lắng nghe.

— Khi đi họp, Hùng rủ Tín đi tắt ngã đồng cho nhanh. Tín bảo rằng « Đi ngã đó thế nào cũng lâu hơn ngã đường cái. » Hùng không tin lời ấy cho rằng ngã tắt thì nhanh hơn sao lại lâu, rồi theo ý-dịnh của mình. Ngờ đâu đường đó bùn lầy nhầy nhựa. Hùng bị sủa nhóp cả áo quần, lại gặp khúc đường trơn Hùng bị trượt chân té nhào mấy lần. Đến đoàn

Hùng trách Tin sao không nói rõ để Hùng phải bị té sía và trề giờ. Anh trưởng cười dịu dàng rồi như bỏ lơ chuyện đó.

— Bây giờ anh kể cho các em một câu chuyện nhé!

Tất cả la lên: « hay lắm! hay lắm, lâu nay anh không kể chuyện cho các em, hôm nay anh kể chắc là câu chuyện lý thú lắm mới được. » Anh trưởng bắt đầu:

— Xưa... xưa lắm rồi, có một con Rùa chúa rất thương mến bầy mình, hằng ngày siêng năng làm việc, tìm đủ cách để giúp đỡ cho cả bầy Rùa. Rùa chúa ấy lại còn lo dạy dỗ cho nhau về việc ăn ở hòa thuận, gây lấy hòa khí vui vẻ. Một hôm thấy trên cây đại thọ có nhiều thằn-lằn rơi xuống mà chẳng hề gì. Tất cả đều khen-ngợi điều ấy Duy Rùa chúa với sự thông minh, đoán biết điều đó có ngày đem lại tai họa nên kéo cả bầy đi nơi khác. Trong lúc đó có bầy Rùa khác kéo đến ở, Rùa chúa kia can ngăn nhưng chúng không tin, tưởng là bọn kia lừa mình nên vẫn ở đấy. Vài hôm sau có bầy voi đến nằm nghỉ dưới gốc cây đại thọ, thằn-lằn trên cây lại rơi nhằm tai chúng làm nhột-nhật khó chịu, chúng quạt tai và găm-thét inh ỏi, rồi tưởng rằng có thú dữ đến nên tức-tốc chạy tán-loạn, nhiều con Rùa bị chúng đạp chết. Con Rùa đầu đàn của bọn này cũng bị thương nặng, nó nổi giận trách con Rùa chúa kia biết chuyện ấy mà không nói rõ-ràng để chúng phải lâm nguy và nó quyết tìm cơ-hội để báo thù cho hả-dạ.

Đấy các em, thấy con Rùa đầu đàn tức giận con Rùa chúa có đúng không?

Không đợi các em trả. Anh trưởng tiếp:

— Em Hùng... Có đúng không?

— Thưa anh không đúng chút nào cả.

— Tại sao thế em?

— Dạ thưa, vì Rùa chúa kia đã can ngăn rồi mà tại bọn chúng không tin. Hơn nữa Rùa chúa chỉ đoán biết có tai-

họa sắp xảy ra chứ có đâu biết rõ có bấy voi đến năm nghĩ
đề rồi bị thần-lần rơi vào tai chạy tán loạn..,

Anh trưởng rất hài lòng, cười sung sướng :

— Em Hùng của anh giỏi lắm, thông minh lắm. Nhưng
em đã biết thế sao bây giờ em lại giận Tín. Trước kia Tín
cũng đã can ngăn rồi, tại vì em không nghe lời vẫn đi ngã
đồng cho bị té. Hơn nữa Tín chỉ biết rằng đường ấy nhóp
di phải lâu chứ làm sao biết rõ rằng Hùng sẽ bị sủa nhào,
té ngã như thế.

Đến đây Hùng và Tín mỉm cười hối hận rồi tất cả đồng
cười. Anh trưởng tiếp :

— Thôi đừng giận nhau nữa đi. Hát lên này. Tín, bắt
giọng lên..

« Đây gia đình cùng nhau chung thân ái.. »

ĐỨC - THƯƠNG

*Tất cả Phật-tử hãy tích
cực tham gia lễ Phật - đàn
8 - 4 sắp đến.*

KÍNH CÁO

Hưởng ứng lễ Y - TẾ QUỐC - TẾ ngày 7 tháng
4 năm 1957 Bệnh-xá Từ-Đàm sẽ mở cửa suốt ngày
dễ khám bệnh, phát thuốc, chích thuốc, trồng đậu
cho những đồng bào nghèo.

Ban Từ-Thiện Tỉnh-hội Phật-học T.T.

CHIỀU nay tôi đang xem sách, ông Văn Sơn đi vào mừng rỡ vái chào và nói :

— Văn Sơn tôi ba đêm suy nghĩ lời thầy dạy bảo hôm trước, càng suy càng hiểu, nên đã đề đầu thọ lễ Quy-Y với Đại-Đức Hải-Tĩnh, tôi đã được vinh dự làm người con Phật với pháp-danh Tâm-Đạo. Hôm nay đến đây kính bạch thầy rõ với lòng tri ân.

— Không có gì, mời đạo-hữu Tâm-Đạo ngồi. Tôi hoan hỷ với ý hướng quý báu ấy của Đạo-hữu. Tâm-Đạo, cái tên ấy, tôi hy vọng hương-vị Đạo, tinh thần Đạo, sẽ đơm ươm mãi trọng lòng Đạo-hữu nơi Đạo-hữu Tâm-Đạo của tôi.

— Xin nguyện cố gắng và kính vâng lời dạy bảo. Tôi đang có điều thắc-mắc mong thầy giải bày.

— Vâng Đạo-hữu nói :

— Bạch Thầy : Trong lúc làm lễ Quy-y Đại đức Hải-Tĩnh có truyền cho tôi năm giới nữa và khuyên cố gắng hành trì, Trước đức độ của vị Đại Đức, dưới từ dung đức Thế-Tôn, Pháp âm thầy cách đây một tháng còn ghi đậm trong lòng tôi, nên tuy chưa rõ, tôi vẫn bội phần tin tưởng và đã

trái lòng lĩnh thọ năm giới Pháp kia. Hôm nay đến đây mong thầy chỉ giáo,

— Đạo-hữu đã thọ giới rồi, vậy thọ nghĩa là gì, chắc Đạo-hữu đã biết ?

— Thưa, Đại-Đức Hải-Tĩnh có dạy : Thọ là thọ trì, nghĩa là vâng giữ tuân hành theo giới ấy.

— Vậy năm giới là những gì, Đạo-hữu còn nhớ ?

— Thầy tôi dạy năm giới ấy gồm có : 1/ Không được sát sinh,

2/ Không được trộm cướp, 3/

Không được tà dâm, 4/

Không được nói dối, 5/

Không được uống rượu.

Tuy nhớ vậy, song ý

nghĩa và lợi ích của nó

tôi còn mờ mịt chưa hiểu thấu gì.

— Đạo-hữu chưa rõ ở những chỗ nào ?

— Thưa giới nghĩa là gì ? và người giữ năm giới có lợi ích gì ?

— Giới là điều răn cấm Phật dạy. Nếu nói đúng với tinh thần và đúng với sự cần thiết của nó về cuộc sống, thì phải nói ; năm giới là năm điều luật đề mà sống, năm phương pháp sống của những người muốn sống.

— Sao lạ vậy, tôi chưa hiểu lời thầy nói.

CÓ LỢI ÍCH GÌ?

THUYỀN - ẨN

— Thì người ta cứ sát hại lẫn nhau, liệu đời sống của mọi người có an toàn mà sống không? Nhưng Đạo-hữu nghĩ rằng: nếu mọi người trong xã-hội đều từ bi thương nhau, không giết hại lẫn nhau thì xã-hội này còn chiến tranh đâu nữa? Cho nên chưa kể cả năm giới, nếu chỉ một giới không được sát sanh ấy, mọi người áp dụng, thì chiến tranh ngừng, hạnh phúc sẽ tràn đầy trong xã-hội.

— À phải rồi, nhưng nếu vậy thì không sát sinh là không giết hại loài người, chứ còn loài vật có cấm giết không?

— Không, giới cấm sát sinh, không những chỉ cấm giết hại riêng loài người, mà còn cấm luôn cả sự giết hại loài vật nữa.

— Nhưng thưa Thầy người ta nói: Vật dưỡng nhân cơ mà, giết nó đâu có tội tình gì?

— Tội hiểu ý Đạo-hữu nói, nhưng khỏi phải nhắc đến lời Phật dạy, người Tây phương cũng đã nói: « người dám ăn trộm một cái trứng, thì người đó có thể bắt trộm một con bò ». Nên người dám giết một con vật, thì người đó rất có thể giết hại một con người, điều đó không còn lạ nữa. Tuổi kinh nghiệm đời của Đạo-hữu, chắc Đạo-hữu thừa hiểu sự tiềm nhiệm nguy hại của tính xấu, và sự phát triển mãnh liệt của nó. Nếu một người mà đến cả con vật họ vẫn thương xót không nỡ giết, thì sự giết người khó có nơi con người đó, Nếu sự sống của loài

người cần bảo đảm một cách chắc chắn, thì tâm lý ấy, con người phải được rèn luyện. Lòng từ bi càng tỏa ra rộng, thì sức kềm hãm sự tàn sát càng mạnh. Thương xót và không giết hại đến cả loài vật là phương pháp rèn luyện và mở rộng lòng thương vậy. Hiện tại, sự tàn bạo giết hại là một việc lỗi thời đối với ý muốn hòa bình của con người, thì những lý thuyết bảo vệ cho sự mạnh hiếp yếu, phải kịp thời tiêu đi. Có lẽ Đạo-hữu dự biết và đã cùng đồng ý câu nói (vật dưỡng nhân) thuộc về loại đó, và sai lạc đến ngàn nào rồi.

— Nếu vậy sự ăn chay của người Phật-tử, là sự luyện tập về tâm lý từ bi này?

— Vâng, điều đó là như thế.

— Bạch thầy, còn ý nghĩa và lợi ích của giới thứ hai?

— Đạo hữu nhắc cho tôi giới đó.

— Thưa: không được trộm cướp.

— Đạo hữu nhớ đúng. Phật dạy: « rình lén mà lấy của người là trộm; trực tiếp hoặc gián tiếp cưỡng-bức cướp-đoạt của người là cướp. Sự trộm cướp bất luận dưới một phương tiện nào đều cấm chỉ hết, vì nó thứ tai hại ». Chúng ta khỏi phải nói đến những sự tai hại nhỏ nhen từng vừng một, từng nhà một, do trộm cướp gây ra. Nếu có một người nào bảo rằng: sự xâm lấn chiến tranh cũng phát sinh từ tâm lý trộm cướp và là một hành động trộm cướp, có lẽ

lời đó không đến sai lầm. Nếu tất cả con người đều giữ giới không trộm cướp, thì thế giới này, sự an lành vững chắc biết bao, vì không còn ai có mộng xâm lăng nữa.

— Đến giới thứ ba là không được tà-dâm, xin thầy cho rõ điều đó.

— Không được tà-dâm là ngoài vợ mình ra hay ngoài chồng mình ra, mình không được ngoại-tình với một người khác.

— Vì sao phải như thế ?

— Xin lỗi, nếu một ông nào mà vợ ngoại-tình với một người khác, liệu ông ấy có buồn không ?

— Thưa... e đến điều gì nữa, chứ đâu chỉ có buồn.

— Thế là hạnh phúc gia đình tan nát. Cho nên sự trình lượng chung thì giữa chồng với vợ là điều kiện gây nên, giữ vững cho mọi gia đình. Phật dạy người cư sĩ chưa xuất gia được, hãy bảo trì hạnh phúc cho gia đình mình bằng cách giữ giới không tà-dâm ấy.

— Lại còn giới thứ tư nữa, Bạch Thầy ở đời nhiều lúc thành thật lại bị lừa gạt, lắm khi thấy có hại, Tại sao Phật lại dạy không được nói dối ?

— Chính là đời càng nhiều lừa gạt, dối trá, nên càng cần phải nhiều thành thật.

— Vì Sao như thế ?

— Đạo-hữu muốn cho người ta

nói dối gạt mình không ?

— Dạ không.

— Đạo hữu có nhận thấy đáng khinh bỉ những người nói lừa gạt dối trá không ?

— Có.

— Thì Đạo-hữu phải đừng gạt với người ta chứ !

— Nhưng giả thử người ta dối cá, thì mình thật cũng vô ích.

— Nếu cả vũ-trụ này tối hết, thì sự thấp dèn trong nhà đạo hữu đâu phải là vô ích. Sự cải tiến bản thân cũng như sự cải tiến xã hội, mà nhìn chung quanh và lấy đó làm lý do đề lùi bước là thối hóa. Một xã hội kết thành bởi từng cá nhân góp lại, thì sự cải tiến nó, mỗi cá nhân phải chịu phần trách nhiệm. Người hành trì luật Phật không được đồ thừa và tránh trút. Vì giới luật đức-Phật không có tính chất dung dưỡng điều đó.

Về giới thứ tư Phật có dạy : « Nói dối không những có hại cho người, lại còn hại cho chung quanh nữa. Mà những nguy hại càng do người gây ra thì nó càng trở về với người. Người phải dè dặt mà giữ lời nói. Hãy xem chừng lưỡi búa trong miệng người. Lời dối trá, dèm siểm, thô ác, ly gián, thù dật là những lưỡi sắc bén, nói cho khéo kéo nó chém vào thân. » Đạo hữu nhớ ghi khắc lời đó.

— Tôi kính vâng dạy bảo. Nhưng

n rượu, nó không là sát sinh, cũng
hàng phải trộm cắp, nó tội tình
l, tại sao Phật lại cấm uống ?

— Phải, rượu không có một tội
hết nhưng người say rượu thì
gì cũng gây nên được hết,
nhân phạm người đó không còn
ra, nó nguy hại vô cùng. Cho
ên Phật dạy : không được uống
rượu (trừ lúc bệnh), vì có hại. Trên
ường đời chắc ông chứng kiến
hiều đó nhiều rồi, tưởng sự giải
ích nơi đây cũng không phiền nữa.

— Dạ, nhờ sự giải thích thông
lốt của thầy tôi đã rõ hết. Trước

kia tôi nghĩ rằng : giới luật ấy là
những sự khức mắt, phiền toái.
Thâm tâm tôi thực có nghĩ rằng :
nó là sức trở ngại cho sự sống
hàng ngày. Không dè nó là luật
sống ý-nhi, nghĩa sống tươi sáng
và là nhạc sống gồm có những
khúc điệu hạnh phúc tung bừng.
Mọi người thật hành năm giới này,
thì hạnh phúc bao phủ thể giới này,
điều đó không còn cãi chối nữa.

Nói xong, đạo hữu Tâm-Đạo
cáo biệt ra về, thì ở sân chùa ánh
trăng đã tỏa tự bao giờ.

THUYỀN ĂN

Tặng Báo Liên - Hoa

Báo Liên-Hoa thật là ngọn đuốc
Đi dắt mình trong bước tối tăm
Trên đường tu biết tránh lối lầm
Biết thêm giáo - lý biết mằm nghiệp-nhân.

TRẦN - NGỌC - CƠ

HỒ MÁI NHÌ

Gần ngày Phật-Đản

Hỡi ai ơi con nhà Phật-tử
Gần đến rồi dự trữ trước đi
Lo sao Phật-Đản năm ni
Bằng ba năm ngoái không thì cũng hai



Là Phật tử ta phải tham gia triệt đê
Vào tồ chức ngày Lễ Đản sanh
Ta lo sao
Cho đèn sáng như sao
Cho Đài cao chắt ngốt
Cho trống chuông dậy dất
Cho cờ phất đầy trời
Cho cuộc rước đèn náo nhiệt khắp nơi
Đem ánh sáng của Phật đê tỉnh người hôn mê.



Mất lờ mảy cúng vui không kẻ
Nghĩ làm ăn mừng Lễ Đản Sanh

Phật xưa bỏ hết vì mình
Lòng nào lòng nở vô tình hôm nay.



Mừng hôm nay gặp ngày khánh đản
Con cúi đầu lạy Đức Thế-Tôn
Cho con Phật sự vuôn tròn
Dứt rày tham dục đừng còn sân si.



Tám tháng tư khắp trên quả đất
Đâu cũng mừng ngày Phật giáng sinh
Đồng cầu phá hết vô minh
Phật hóa nhân loại hòa bình bền lâu



Nhớ kinh Tăng mới rằng trọng Phật
Lòng dạn lòng li tất chớ sai
Không Tăng hoàng pháp cậy ai
Giữ gìn Tam Bảo nào người chủ trưởng ?

TÂM . THÔNG

Chiêm Bái Phật Tích

tại **ẤN-ĐỘ**

(Tiếp theo)

THÍCH MINH-CHÂU

Vương xá thành là chỗ đức Như-Lai thường trú ngụ. Ngài đến nhiều lần trong những thời Ngài đi thuyết-pháp đó đây. Ngài đến đây lần đầu tiên, trước khi Ngài thành đạo, đi khất-thực xung quanh thành, và khi vua Tần-Bà Ta-La thấy Ngài, và được biết Ngài là con của giòng họ Thích-Ca, mời Ngài bỏ đời sống tu-hành, và nhận một phần đất của nước Ma-Kiệt-Dà để trị vì. Đức Phật vì đã từ bỏ ngôi báu, nên từ chối, nhưng hứa, sau khi thành đạo chứng quả sẽ về lại giảng dạy cho Vua, theo như lời Vua thỉnh cầu.

Dưới đây là một đoạn dịch trong tập ký sự của Ngài Pháp-Hiền ; khi Ngài đến thăm, thì cả thành phố đã bị đổ nát rồi :

« Đi về phía tây độ một yeou yan, sẽ đến thành phố mới của Vương-xá thành. Thành này do vua A-Xà-Thế lập ra. Giữa thành có hai ngôi Chùa. Ra khỏi cửa thành phía tây, sẽ đến một ngọn tháp, ngọn tháp này do vua A-Xà-Thế dựng lên để thờ Xá-lợi của đức Phật khi Vua được chia một phần. Ngọn tháp này cao lớn đẹp đẽ và tôn nghiêm. Đi ra cửa thành phía nam, và đi độ bốn dặm về phía nam, chúng ta đến một thung lũng, thung lũng này đưa đến năm ngọn đồi, năm ngọn này bao bọc như một bức thành, đó là thành Vương-xá cũ của vua A-Xà-Thế. Thành này rộng từ đông sang phía tây độ 5, 6 dặm, từ Bắc đến phía Nam độ 7, 8 dặm. Chính

tại chỗ này, Ngài Xá-Lợi-Phất và Ngài Mục-Kiền-Liên lần đầu tiên nhận chân được Diệu-Pháp; chính là chỗ mà Ni-Kiền-Đà đào một hố sâu đầy lửa và dâng đồ ăn có thuốc độc để đức Phật dùng. Và cũng là chỗ mà con voi đen say cuồng của Vua A-Xà-Thế chạy đến muốn hại đức Phật sau bị đức Phật hàng phục. Tại góc đông đông bắc của thành Vương-Xá, có dựng một ngôi Chùa, là chỗ của Ambapali thỉnh đức Phật cùng 1250 vị Đại-đức Tỷ-kheo đến để kính lễ. Ngôi tháp đó hiện vẫn còn. Thành phố hoàn toàn vắng, không có người ở. Đi vào thung lũng và đến về giãy núi độ 15 dặm phía đông nam, chúng ta đến ngọn núi Linh-Thứ-Ba dặm trước khi đến ngọn núi, có một bệ đá giữa những tảng đá lớn, đó là chỗ đức Phật ngồi thuyền-dịnh, xây mặt về hướng nam. Độ ba mươi bước về phía đông bắc, có một hang đá, chỗ đức A-Nan ngồi thuyền-dịnh. Khi ấy, một con quỷ Pisuna ở cõi trời, biến hình thành con chim kên, đứng trước hang đá và dọa nạt A-Nan. Đức Phật dùng thần-thông, mở rộng động đá, cầm tay Ngài A-Nan và làm A-Nan hết sợ hãi. Dấu con chim và cõ tay đức Phật đưa tay đến nắm Ngài A-Nan nay vẫn còn (tôi tìm mà không thấy) do đó, hòn núi ấy gọi là « ngọn đồi của hang con chim kên ». Trước hang này là chỗ ở của bốn đức Phật. Các vị A-La-Hán, một vị đều có một hang giống nhau khi các vị ngồi thuyền-dịnh. Số động có đến 700.

« Đức Phật đang đi từ phía đông sáng phía tây trước nhà đá. Đền-Bà-Đạt-Đa đứng trên mỏm đá phía bắc, quãng một hòn đá xuống và làm bị thương góc chân đức Phật. Hòn đá ấy hiện còn. (Chúng tôi tìm không thấy) phòng đức Phật giảng kinh đã bị đổ nát, chỉ còn lại chân tường gạch. Ngọn đồi này đều và tôn nghiêm, cao hơn tất cả năm ngọn đồi xung quanh.

(Còn tiếp)

LỜI HIỆU TRIỆU

NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH.CA MÃU-NI PHẬT
CÙNG TOÀN THỂ PHẬT.GIÁO BỞ TRUNG PHẦN

N NGÀY mồng 8 tháng 4 là ngày mà Phật-Giáo-Đồ Việt-Nam đã lâu đời hân hoan cử hành lễ kỷ-niệm ngày đản-sanh đức Giáo-Chủ THÍCH CA MÃU-NI PHẬT.

Một ngày mà tất cả mọi người con Phật ở khắp nơi trên thế-giới không ai lãnh đạm.

Ngày mà trải qua 20 thế-kỷ nó đã in sâu đậm vào tâm hồn dân tộc Việt-Nam, không ai có thể phủ nhận được.

Nhân danh TRƯỜNG BAN TỔ-CHỨC LỄ PHẬT-ĐẢN toàn Trung-Phần, tôi kêu gọi tất cả các Phật-tử hãy nhiệt liệt hưởng ứng tham gia cuộc lễ này với những điểm thiết yếu sau đây :

1) Nhiệt thành góp phần vào việc tổ chức ngày lễ ở tại địa-phương.

2) Tích cực chuẩn bị đi dự lễ RƯỚC PHẬT vào lúc 5 giờ 30 sáng ngày mồng 8 tháng 4 Âm.lịch.

3) Phần khởi khuyến khích bà con, con cháu và bằng hữu tham gia cuộc RƯỚC PHẬT nói trên.

Đề bộc lộ tất cả lòng thành kính ghi ân đối với vị GIÁO-CHỦ và lòng tha thiết nồng nhiệt đối với CHÁNH-PHÁP, rất mong toàn thể Phật-Giáo Trung Phần hãy nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của chúng tôi.

TRƯỜNG BAN TỔ CHỨC
HÒA-THƯỢNG TƯỜNG-VÂN
Pháp-Chủ Phật-Giáo Trung-Phần

TIN TỨC

LỄ PHẬT - ĐÀN 8 - 4

A. - Chương-trình tổ-chức,

B. - Thành phần tổ-chức,

C. - Kế-hoạch tổ-chức.

A. - CHƯƠNG TRÌNH TỔ CHỨC

Ngày mồng 7 tháng 4 âm lịch. —

12 giờ : Khai Kinh.

19 giờ : Phóng sanh đăng.

Ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch. —

4 giờ sáng : — Các Chùa và các Niệm-Phật-Đường
đánh chuông trống bát-nhã 9 hồi.
— Lễ đàn-sanh tại các Chùa và các Niệm-
Phật-Đường.

5 giờ 30 : Tập trung xong tại các Lễ-đài.

6 giờ : Lễ chính thức tại các Lễ-đài.

6 giờ 30 : Rước Phật.

12 giờ : Cúng ngộ.

14 giờ : Tò chức từ thiện.

19 giờ : Rước Ánh-sáng Đức Phật.

Ngày mồng 9 tháng 4 âm lịch. —

Các tỉnh tự ấn định chương trình nếu còn đủ khả năng, nhưng chỉ tổ chức những buổi kịch nghệ: nhằm biểu dương tinh thần ngày mồng 8 4

B. - THÀNH PHẦN TỔ CHỨC

(1) Giáo-Hội Tăng-Già các Tỉnh phối hợp với các Tỉnh-Hội chiếu liệu phần nghi lễ và vận động Phật-Giáo-Đồ tham dự cuộc lễ Phật-Đàn, nhất là cuộc rước Phật.

(2) Phần tổ chức (cấp điều khiển) hoạt động theo hệ thống dọc từ Tổng-hội đến Tỉnh-hội và đến Khu-vực (Liên-khuôn). Như vậy :

1. — Tại các quận huyện, tùy tình hình địa phương, địa dư và số người tham dự nhiều hay ít, các Khuôn-hội hợp thành 1 liên-khuôn (khu vực). Mỗi liên-khuôn có 1 Ban Tổ-chức do Ban Chức-vụ các Khuôn-hội hợp bầu, có nhiệm vụ liên lạc và thi hành công tác cấp trên đề ra và điều hòa công việc các Khuôn-hội.

2. — Tại Tỉnh-hội có 1 Ban Tổ-chức Tỉnh-hội. Ban này do 1 hội đồng giữa Giáo-hội và Tỉnh-hội cùng các Khuôn-hội phụ cận chiểu sự phân công đại cương ở khoản (1) và (2) nói trên mà bầu ra, có nhiệm vụ thực hiện chương-trình và kế hoạch này, bằng cách luôn luôn xét, tỉ mỉ và kiểm soát toàn diện công việc trong Tỉnh-hội của mình. Công chính ban này kiểm luôn việc tổ chức tại thị xã.

Ban Tổ-chức Tỉnh-hội gồm có :

- 1 Trưởng ban,
- 1 Phó Trưởng-ban phụ trách thị xã.
- 1 — — — — — thôn quê.
- 1 Thư ký.
- 1 Thủ quỹ.

Ban này lại có các tiểu ban sau đây giúp việc :

- Vận động tổ chức.
- Nghi lễ.
- Công đức (tài chánh).
- Kỹ thuật.
- Trật tự.
- Cứu thương.

Mỗi tiểu ban do 1 vị trưởng-ban phụ trách và gồm có nhiều người giúp việc. Phương pháp hoạt động của mỗi ban thì tùy khả năng và phương tiện mà các Tỉnh-hội tự định liệu.

3. — Trên hết, tại Tổng-hội, có 1 Ban Tổ-chức có nhiệm vụ bề túc và kiểm tra toàn Hội về sự thi hành chương trình và kế hoạch này.

C. — KẾ HOẠCH TỔ CHỨC

PHÒNG SANH ĐĂNG:

1) Mỗi Khuôn-hội đều phải làm đèn thả sông, kể cả các Khuôn-hội không có sông. Số lượng tùy Ban Tổ-chức liên-khuôn hay Ban

Tổ-chức Tỉnh-hội ấn định. Việc phóng sanh thì tùy khả năng và điều kiện mỗi Khuôn-hội mà làm.

2) Ban Tổ-chức liên-khuôn hay Ban Tổ-chức Tỉnh-hội thầu nhận tất cả số đèn này rồi hoạch định 1 chương trình phóng đăng trên các sông hoặc phân chia khu vực trên dòng sông cho mỗi Khuôn-hội và các Khuôn-hội tự phụ trách việc thả đèn.

LE PHẬT TẠI LỄ ĐÀI — RƯỚC PHẬT :

1) **Thành phần 1 đoàn Rước.** — Mỗi Khuôn-hội là 1 đơn vị đoàn Rước của liên-khuôn, thành phần gồm có :

- a) Các vị tăng ni tại Khuôn-hội,
- b) Tất cả nam nữ hội viên của Khuôn và con cháu, thân bằng,
- c) Toàn thể Phật-Giáo-Đồ trong Khuôn và con cháu thân bằng,
- d) Gia-đình Phật-tử và các đoàn thể Phật-tử khác như Hoa - kiều, Ấn-kiều, Quân-nhân, Học-sinh và Hướng-đạo vân vân,
- đ) Giáo sư và học sinh Trường Bồ-đề.
- e) Các xe hoa, giàn hoa, giàn nhạc, hương án tôn trí tượng Phật.

Chú ý : Tượng Phật để rước phải trang nghiêm. Không được rước tượng quá xấu hay kết tượng bằng đậu, mè vân vân.

2) Cách sắp đặt 1 đơn vị của đoàn Rước.

a) Đi đầu mỗi Đoàn là 1 Cờ Phật-Giáo lớn. Phụ tá lá cờ này là 2 hội viên cầm 2 bó hoa hay lư trầm. — Sau lá cờ ấy là 1 biểu ngữ « Mừng Phật-Đản 8-4 » bằng vải có tên Khuôn của mình.

b) Sau đoàn này là các đoàn. Điều cần phải chú ý lúc sắp đặt các đoàn là những em nhỏ, những đoàn thể ngoài Hội được ưu tiên đi trước tiếp đến là nữ hội viên và sau cùng là nam hội viên. Các vị tăng ni thì đi theo xe hoa hay hương án tôn trí Tượng Phật.

c) Xen lẫn vào các đoàn là xe hoa, giàn hoa, giàn nhạc, xe chuông trống, hương án, biểu ngữ.

d) Mỗi người tham dự cuộc Rước Phật này đều cầm cờ Phật-Giáo loại cờ giấy cầm tay. — Đoàn sinh Gia-Đình Phật-Tử và các nhi đồng cố thể cầm hoa thay Cờ.

3) **Tập trung.** Đúng 5 giờ 30 sáng ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch, các đoàn Rước của các Khuôn-hội đều phải tập trung cho xong tại các Lễ-đài của các liên-khuôn hay ở thị xã. Khi đi đường về đến Lễ-đài thì yên lặng, đi mau một chút, nhưng phải giữ hàng ngũ tề chỉnh 1 cách

tuyệt đối. Khi đến Lễ-dài thì hàng ngũ tề chỉnh ấy đứng trước Lễ-dài theo thứ tự định sẵn của Ban Tò-Chức.

Lễ dài. — Mỗi Lễ-dài là 1 một địa điểm hành Lễ.

a) Tại các thị xã có 1 Lễ-dài chánh, do chính Ban Tò-chức Tỉnh-Hội trực tiếp tổ chức với sự tham dự thật đông đảo của các Chùa và các Khuôn phụ cận, ngoài ra lại còn có tất cả các đoàn thể Phật-giáo-dồ khác, như quân nhân, hướng đạo, học sinh và ngoại kiều tại thị xã. Lễ-dài này thiết lập tại các vườn hoa, hay sân vận động ở các thị xã, và tổ chức thật trang nghiêm nhằm mục đích biểu dương sự long trọng của Ngày 8-4.

b) Tại thôn quê, mỗi liên khuôn thiết lập 1 Lễ-dài. Địa điểm lựa chọn là các Chùa, các đồi trống, các đồng trống v.v... miễn là khung cảnh của địa điểm không trái với tính cách thuần túy của buổi Lễ, rộng dẽ đủ chứa người và là nơi dễ gây ảnh hưởng đối với quần chúng.

c) Tất cả các Lễ-dài, nhất là Lễ-dài chánh tại các thị xã, phải trang hoàng rực rỡ và ban đêm phải có đèn rất sáng. Trên Lễ-dài phải có tượng Phật lớn và trang nghiêm. Nếu thấy cần và chưa có thì giờ thu dọn Lễ-dài thì đêm mùng 8-4 vẫn phải có người túc trực.

5) Lễ chính thức tại Lễ dài — Cử hành 6 giờ sáng ngày mùng 8-4 âm lịch theo chương trình duy nhất tuyệt đối dưới đây :

a) Tuyên bố cử hành lễ (Lời tuyên bố do Ban Tò-Chức Tổng-Hội gọi đến).

b) Diễn từ. (Cũng như trên).

c) Chu ng trống bát-nhã cử 3 hồi, trong khi đó, toàn thể đều quỳ xuống đất.

d) Nhập từ bi quán trong 3 phút (bằng cách yên lặng tuyệt đối, chấp tay, thầm phát nguyện thương xót tất cả chúng sanh).

d) Đồng niệm « Nam-Mô Bồ-n-Sur Thích-Ca Mâu-Ni Phật » 10 lần (niệm to tiếng).

e) Rước Phật.

Nghi thức như thế này gồm có 2 phần: phần tuyên bố và diễn từ xong, thì đến phần nghi lễ. Điều cần đặc biệt chú ý là tại các Lễ dài thôn quê, nếu có Tăng-Già chân chính và có thể hành Lễ theo chương trình này thì rất quý, gặp trường hợp ở 1 liên khuôn không có 1 vị Tăng-già nào có tư cách tương đối dẽ hành Lễ thì Ban Tò-Chức và các Ban Chức-vụ phải đặc biệt lưu tâm tự liệu lấy việc hành Lễ bằng cách cử người có tư cách đứng với sự cần thiết và trang nghiêm của cuộc Lễ.

6) Cuộc Rước Phật. —

a) Mỗi đoàn rước theo thứ tự do Ban Tò-Chức điều khiển, đều phải diễn hành ngang qua trước Lễ-dài rồi về Khuôn mình. Đó là nói các Lễ-dài thôn quê, còn tại Lễ-dài chánh ở thị xã thì các đoàn rước Phật, sau khi diễn hành qua trước Lễ dài, phải đi theo con đường Ban Tò-chức định mà Rước Phật về chùa Hội-quán Tinh-Hội.

b) Không cứ Rước Phật về chùa Hội-quán Tinh-Hội như ở thị xã, tất cả đoàn rước đều phải chấp tay cầm sẵn cờ, trang nghiêm đến tuyệt đối, niệm danh hiệu của Phật « Nam mô Bồ-n-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật » 1 cách liên tiếp.

c) Chương trình khi đoàn Rước Phật về đến chùa Hội-quán Tinh-Hội hay các Khuôn tự ấn định.

7. — **Biều ngữ.** — Chỉ một khẩu hiệu sau đây được viết trên các biều ngữ dùng trong đoàn Rước treo ở cơ-quan Phật-giáo, các quyền môn hay các công, là **MỪNG PHẬT - ĐẢN MÔNG 8 THÁNG 4**

LỄ RƯỚC ÁNH SÁNG ĐỨC PHẬT

1) **Thành phần tham dự.** — Thành phần tham dự cuộc Rước ánh sáng đức Phật cũng chính là những người đã tham dự cuộc rước Phật vào buổi sáng nói trên.

2) **Đèn đuốc.** — Mỗi người tham dự ít nhất cũng phải tự túc 1 cây đèn giấy hay 1 cây đuốc.

3) **Cách sắp đặt.** — Chỉ các Khuôn-Hội tồ chức. Cách sắp đặt giống như đoàn Rước Phật khi sáng, chỉ khác là :

— Không thỉnh tượng Phật theo,

— Cầm đèn hay đuốc thay cờ,

— Không niệm Phật mà chia từng đoàn đồng thanh hát bài Mông 8-4 theo điệu dâng-dân-cung « Vui mừng gặp ngày nay, mông 8 tháng 4, ngày khánh tiết... ».

— Ngoài ra còn có trống, thanh la để giúp vui cho cuộc Rước.

Tập trung, đường Rước và giải tán. — Đoàn Rước của mỗi Khuôn đều tập trung và giải tán tại Niệm-Phật-Đường của Khuôn ấy. Đoàn rước chỉ đi ngang qua những con đường mà Khuôn định.

5) **Về mặt nước.** — Nếu có sẵn các Khuôn thuộc thủy diện càng tốt, nếu không thì Ban Tò-Chức Tinh Hội hay các lên Khuôn

phải vận động, khuyến khích, giúp đỡ phương tiện cho các vạn đồ treo đèn thật nhiều trong những đêm mồng 7, 8 tháng 4 âm-lịch.



Ngoài bản kế hoạch thực hiện chương trình tổ chức Lễ Phật-Đản 8-4 ghi trên đây, các Ban Tồ-Chức phải đặc biệt lưu tâm những điểm sau này để khuyến khích và vận động mọi người tham gia ngày Lễ, nhất là tham gia cuộc rước Phật :

1) Mỗi 1 hội viên hay 1 đoàn viên Gia-Đình Phật-Tử khuyến khích cho được 1 người ngoài Hội là ít nhất, tham gia cuộc Lễ.

2) Các Ban Tồ-chức gửi thư hay trực tiếp mời các đoàn thể quân nhân, học sinh, hướng đạo và ngoại kiều tham dự cuộc lễ.

3) Cờ động và khuyến khích treo cờ thấp đèn thật nhiều (cờ Phật-giáo mà thôi). Những gia đình hội viên có nhiều cờ và thấp đèn thì phải chia bớt cho láng giềng hoặc chính các Ban Tồ-chức làm biểu.

4) Cờ động và khuyến khích những người xung quanh mình tạm ngừng sự sinh hoạt bình thường trong ngày Mồng 8-4 để tham dự cuộc Rước Phật, đặc biệt là ở nhà tề sanh, những nơi buôn bán súc vật và và hàng ăn mặn.

Nói tóm, mọi khả năng và mọi phương tiện đều được huy động tận cùng để gây 1 phong trào tích cực tham gia cuộc Lễ, **TẤT CẢ CHO NGÀY LỄ MỒNG 8-4!**

Hoà-Thượng Tường-Vân

Trưởng-ban Tồ-chức Lễ Phật-Đản

Lễ suy tôn Pháp-chủ tại Nam-Phần

CHỢ-LỚN.— Hồi 8 giờ sáng ngày 31-3-57, tại chùa Ấn-Quang đường Sư-vạn-Hạnh, Giáo-hội Tăng-già và Hội Phật-học Nam-Việt, đã tổ chức lễ suy tôn ngôi Pháp-chủ, thay cố Pháp-chủ. Huệ-Quang đã viên tịch tại Ấn-độ.

Đại biểu các tỉnh Nam-phần, Trung-phần và Nam-Vang đều có về đông đủ dự lễ này. Số đại biểu, dự lễ có trên 500 người.

Sau các phần nghi lễ theo Phật-giáo, lễ Suy-tôn Tân Pháp-chủ cứ hành trong không khí trang nghiêm.

Hòa-thượng Khánh-Anh chùa Phước-hậu được Suy-tôn Pháp-chủ đề cầm cương lĩnh cho Phật-giáo miền Nam.

Lễ thỉnh tân Pháp-chủ thăng tòa cử hành rất trọng thể giữa tiếng tụng niệm của các vị tu-sĩ và tín-dồ và tiếng trống chuông bát-nhã.

Sau lễ dâng Pháp phục và Ấn Pháp-chủ, đại biểu các tỉnh đã lần lượt lên đọc diễn văn chào mừng vị Tân Pháp-chủ của Phật-giáo Nam-phần.

Đại Hội-Đồng hội Phật-Học T.P.

Đại Hội-dồng thường niên của
Tông-trị-sự hội Việt-nam Phật học
tại Trung-phần đã cử hành vào ngày
8.9-10 tháng 2 âm-lịch.

Đến dự đại hội đồng người ta
thấy ; Quý Hòa-thượng quý Đại-
đức Tăng-già và đại-biêu 14 tỉnh
hội Phật-học tham dự.

Sau đây là thành phần ban Tri-
sự niên khóa mới 1957 — 1958.

Ban Tổng-Trị-Sự Hội Phật-Học niên khóa 57-58

Hội-Trưởng : Ngài Hòa-Thượng
Thuyền-Tôn.
Phó Hội-Trưởng Phụ-tá Hội-
Trưởng : Thầy Thích Trí-Quang
Phó Hội-Trưởng Kiêm Ủy viên
Hoằng pháp : Thầy Thích Trí-Thủ
Phó Hội-Trưởng : Đạo hữu
Tôn-thất-Tùng
Tông thư-ký : Đạo hữu
Nguyễn văn Quì
Phó Thư ký : Đạo hữu Nguyễn Dục

Tổng thủ quỹ : Đạo hữu
Phan văn Thí
Phó thủ quỹ : Đạo hữu
Lê văn Chương
Kiểm lý ngân sách : Đạo hữu
Lê mộng Tùng
Cố vấn : Thầy Thích Đôn-Hậu
Cố vấn : Thầy Thích Mật-Hiền
Cố vấn : Thầy Thích Mật-Nguyên
Cố vấn : Thầy Thích Thiện-Siêu
Cố vấn : Thầy Thích Thiện-Minh
Cố vấn : Giáo dục Đạo hữu
Lê-mộng-Đào
Cố vấn Văn nghệ : Đạo hữu
Lê văn Dũng
Cố vấn Từ thiện : Đạo hữu
Nguyễn tâm Thăng
Cố vấn Tương tế : Đạo hữu
Vương hưng Luyện
Kiểm soát : Đ.hữu Nguyễn hữu Tuấn
Kiểm soát : Đạo hữu Cao hữu Vĩnh
Kiểm soát : Đạo hữu Lê bá Ý
Kiểm soát : Đạo hữu
Nguyễn văn Yến
Kiểm soát : Đạo hữu
Nguyễn hữu Tùng

Tin Thế - giới

Trong khoảng 3 tháng hơn
4 triệu người theo Phật-giáo.

Theo bản kê của Maha Bodhi
sarnath thì từ ngày 14-10-1956 đến
ngày 14-1-57 trong thời gian ba
tháng đã có 4002-050 người Ấn-
Độ làm lễ quy y theo Phật, trong
số này có nhiều người trước khi
thuộc tôn-giáo khác như Ấn-Độ
giáo, Gia-tô-giáo Hồi giáo...

Hội Phật Giáo Nalanda
đã thành lập. — Tại Nalanda tân
Phật Học viện đã thành lập hội
Nalanda Buddhist Society, mục đích
đề xiển dương Phật giáo ở Ấn-độ,
và nhất là đề gây tình thân hữu
giữa các nước Phật-giáo hiện có các
giáo sư, hoặc sinh viên đề du học
hoặc nghiên cứu Phật giáo tại
Nalanda Tân học viện. Những nước
sau này đã có đại diện tại Hội

Nalanda Phật-giáo Hội này: Tích-Lan, Việt-Nam, Tây-Tạng, Nhật-Bản, Lào, Cao-Mên, Ấn-Độ. Hội này có tổ chức những buổi diễn giảng thân mật giữa các Hội viên để gây tình thân hữu và trao đổi ý kiến. Trong buổi giảng đầu tiên, một vị sư Tích-Lan, thầy Khemananda đã giảng về cách hành văn chữ Pali, thầy Thích Minh-Châu Việt-Nam, đã giảng về «Nhưng hoạt động Phật-giáo Việt-Nam.» Thầy Virapandit, người Cao-Mên đã giảng về: Công nghiệp của vua A-Dục trong sự nghiệp hoàng pháp, và ông Tosaki người Nhật giảng về Quan niệm giải thoát của Thuyền-Tôn và Tịnh Độ tôn. Trong buổi họp thứ hai, thầy Khemapali người Thái-Lan, đã giảng về Cách tổ chức Tăng-Đồ ở Thái-Lan. Thầy Dhammadhira người Cao-Mên đã giảng về Thân-Thể và sự nghiệp của Ngài Huyền Trang và thầy Accadara người Thái-Lan đã giảng và «Phê bình về tập Dighanikaya (Trường A-Hàm.) »

3) Lễ đón tiếp các vị Lamas tại Hội Maha Bồ-Đề, Calcutta.— Ngày 17-1-57, Ngài Dalai Lama và ngài Panchen Lama đã được Hội Maha Bồ-Đề tổ chức một cuộc đón tiếp rất long trọng tại Hội quán của Hội ấy, ở Calcutta. Ông Maharajkumar nước Sikkim, Hội Trưởng hội Maha Bồ-Đề và một số đông Tu-sĩ đáp y vàng tiếp đón hai Ngài tại cửa của Hội-Quán. Hai Ngài làm lễ đặt đá một Phật-Giáo Văn Học viện và Quốc-tế Lữ điếm hội, Trên con đường đi

đến hội Maha Bồ-Đề, công chúng tụ họp hai bên đường rất đông để hoan nghênh và tiếp đón hai vị Thượng Khách. Ngài Dalai Lama, trong bài đáp từ đã nói «Dầu cho đã trải qua 2500 năm ngày đức Phật đã nhập Niết Bàn, mọi Phật-tử sung sướng được thấy lời dạy của Ngài vẫn còn ăn sâu vào tâm trí của hàng vạn triệu Phật-tử. Các Ngài cũng lấy làm sung sướng được thấy công nghiệp hoàng pháp của các Hội Phật Học để gìn giữ cúng dường Xá-Lợi của đức Phật khắp các chỗ ở Ấn-Độ. Ngài Dalai Lama hy vọng rằng, Phật giáo văn hóa viện mà Ngài đã làm lễ đặt đá hôm nay, sẽ thành một nguồn cảm hứng vô tận cho toàn thể nhân loại và thành một tác động cốt yếu trong sự nghiệp hoàng pháp. Ngài Panchen Lama nói tỏ ý hy vọng rằng những người yêu quý hòa bình và văn hóa khắp thế giới sẽ đến thăm Hội-quán này và cùng chung hoạt động với lòng từ bi vô tận để giải thoát toàn thể chúng sanh thoát biển đau khổ sanh tử.

4) Lễ Độc-Lập tại Ấn-Độ.— Ngày 26-1-57, lễ Độc-Lập Ấn-Độ; tại New Delhi, có cử hành một cuộc diễn hành rất lớn để trình bày những thành tích thực hoạch và các ngành hoạt động ở khắp các tỉnh ở Ấn-Độ. Tại tỉnh Bihar, có trình bày ca một màn Nalanda Cổ Học viện, trong đó có mười sáu vị Sư ngoại quốc ngỏ dự đề giới thiệu Nalanda.